

Dòng họ Nguyễn Hữu

Bốn đời — từ Cụ Đồ Nguyễn Hữu Khuê đến đời cháu chắt

Lập ngày 24/04/2013

4 đời

Phục dựng từ 2 tài liệu gốc

Dòng trưởng (con trai kế tục) **Đời & nhánh** **Vợ / chồng** **Hoa trắng** — mất khi chưa lập gia đình (ra mộ chuẩn bị hoa trắng) **Cần xác minh**

ĐỜI 1Thủy tổ

DÒNG TRƯỞNG

1

Cụ Nguyễn Hữu Khuê

Ông tổ — tức “Cụ Đồ”

• **1.a** Cụ bà bán thuốc nhuộm — vợ cả (không có con)

• **1.b** Cụ bà trẻ họ Đỗ

Giỗ (ÂL) 02/01

ĐỜI 2Con của Cụ Nguyễn Hữu Khuê

DÒNG TRƯỞNG

2.1

Cụ Nguyễn Hữu Phan

Con trai (dòng trưởng) · hiệu Thanh Tùng

Sinh-mất 1894–1947
Giỗ (ÂL) 17/07
Mộ 303, khu G13 – Yên Kỳ, Sơn Tây, HN

• **2.1.a** Cụ bà Lê Thị Viên

Sinh-mất 1891–1943
Giỗ (ÂL) 19/03
Mộ 311, khu E20 – Yên Kỳ

2.2

Cụ bà Nguyễn Thị Tuyến

Con gái · bà giáo

Sinh-mất 1903–1981
Giỗ (ÂL) 24/10
Mộ 312, khu E20 – Yên Kỳ

• Ông Giáo

Nuôi ông Kỳ như con; đưa ông Mão về giúp việc

2.3

Cụ bà Nguyễn Thị Trâm

Con gái · ở phố Hai Bà Trưng

ĐỜI 3Con của Cụ Nguyễn Hữu Phan & Cụ bà Lê Thị Viên

DÒNG TRƯỞNG

3.1

Ông cả Nhâm

Con trưởng

Giỗ (ÂL) 08/01

Có 2 vợ và 3 con gái (không có con trai)

3.2

Ông Nguyễn Mão

Con

Giỗ (ÂL) 19/06
Mộ Nghĩa trang Ninh Hải, Hải Phòng

• **3.2.a** Bà Nguyễn Thị Nga

Giỗ (ÂL) 01/07
Mộ Nghĩa trang Ninh Hải, Hải Phòng

3.3

Bà Lê Thị Ty

Con

Giỗ (ÂL) 15/12
Mộ 309, khu E20 – Yên Kỳ

3.4

Bà Nguyễn Lê Thị Phương

Con · định cư Canada

Sinh-mất 1921–2010
Giỗ (ÂL) 08/04
Mộ 306, khu G13 – Yên Kỳ

3.5

Bà Lục

Con

3.6

Ông Nguyễn Đình Kỳ

Con

Sinh-mất 1924–1990
Giỗ (ÂL) 27/08
Mộ 350, khu E19 – Yên Kỳ

• Bà Đặng Thị Minh Nghĩa

Sinh-mất 1927–1996
Giỗ (ÂL) 09/11
Mộ 349, khu E19 – Yên Kỳ

3.7

Ông Nguyễn Đình Quang ✨

Con · tức “Mộc Bé”

Sinh-mất 1923–1945
Giỗ (ÂL) 20/12
Mộ 310, khu E20 – Yên Kỳ

ĐỜI 4Đời cháu — nhóm theo cha/mẹ đời 3, kèm năm sinh-mất, giỗ & nơi an táng

Ông cả Nhâm (3.1 · có 2 vợ)

• 3 người con gái chưa rõ tên

Ông Nguyễn Mão & Bà Nguyễn Thị Nga (3.2 & 3.2.a · nối dõi dòng trưởng)

4.1 Cháu Nguyễn Mạnh Tuấn

Trưởng

4.2 Cháu Nguyễn Minh Nguyệt

4.3 Cháu Trọng

4.4 Cháu Nguyễn Ngọc Bảo

4.5 Cháu Nguyễn Hữu Ngọc **Mộ** Nghĩa trang Phi Liệt, Thủy Nguyên, HP

4.6 Cháu Nguyễn Hữu Hiệp **Giỗ** 29/06 · **Mộ** Nghĩa trang Ninh Hải, Hải Phòng

4.7 Cháu Nguyễn Hữu Hoàn

Bà Lê Thị Ty (3.3)

• Cháu Vượng

Bà Nguyễn Lê Thị Phương (3.4)

• Cháu Nguyệt (TQ)
• Cháu Thắng

Ông Nguyễn Đình Kỳ & Bà Đặng Thị Minh Nghĩa (3.6)

• Cháu Vũ **Mộ** Khu G13 – Yên Kỳ (cạnh mộ cụ Phan)

• Cháu Vinh

• Cháu Lam

• Cháu Nguyễn Kiến **Sinh-mất** 1949–1973 · **Giỗ** 23/01 · **Mộ** gần thờ thần linh, khu E20 – Yên Kỳ **Trưởng** ✨ **tức Chú Trưởng**

• Cháu Nguyễn Thị Thanh ✨ **Sinh-mất** 1950–1964 · **Giỗ** 09/11 · **Mộ** 313, khu E20 – Yên Kỳ

Phụ lục — Bảng tra cứu & Nơi an táng

Bảng ghi chú — Mộ phần · Năm sinh–mất · Ngày giỗ

Trích từ tài liệu gốc (ảnh 2). Các mục có dấu (?) là chỗ bản gốc mờ/khó đọc; các năm sinh–mất cần đối chiếu lại (xem phần lưu ý bên dưới).

Người	Ghi chú / Vai trò	Mộ phần	Năm (?)	Ngày giỗ
Cụ Nguyễn Hữu Phan 2.1	Hiệu Thanh Tùng (cụ Nam Sách) · đã đưa về Yên Kỳ	Mộ 303 khu G13 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1894–1947	17/07
Cụ bà Lê Thị Viên (2.1.a)	Vợ cụ Nguyễn Hữu Phan	Mộ 311 khu E20 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1891–1943	19/03
Cụ bà Nguyễn Thị Tuyến (2.2)	Bà giáo; nuôi ông Kỳ như con	Mộ 312 khu E20 (Yên Kỳ)	1903–1981	24/10
Ông Giáo	Chồng cụ Tuyến (2.2)			
Cụ bà Nguyễn Thị Trâm (2.3)	Ở phố Hai Bà Trưng			
Ông cả Nhâm (3.1)	Có 2 vợ, 3 con gái			08/01
Ông Nguyễn Mão (3.2)	Đã chuyển về Ninh Hải	Nghĩa trang Ninh Hải, Hải Phòng		19/06
Bà Nguyễn Thị Nga (3.2.a)	Vợ ông Mão	Nghĩa trang Ninh Hải, Hải Phòng		01/07
Bà Lê Thị Ty (3.3)	Con cụ Phan	Mộ 309 khu E20 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)		15/12
Bà Nguyễn Lê Thị Phương (3.4)	Định cư Canada	Mộ 306 khu G13 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1921–2010	08/04
Ông Nguyễn Đình Kỳ (3.6)	—	Mộ 350 khu E19 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1924–1990	27/08
Bà Đặng Thị Minh Nghĩa	Vợ ông Kỳ	Mộ 349 khu E19 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1927–1996	09/11
Ông Nguyễn Đình Quang (3.7)	Tức “Mộc Bé” ♣	Mộ 310 khu E20 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1923–1945	20/12
Cháu Nguyễn Kiến Trường	Con ông bà Kỳ · tức Chú Trường ♣	Mộ gần thờ thần linh, khu E20 (Yên Kỳ)	1949–1973	23/01
Cháu Nguyễn Thị Thanh	Con gái ông bà Kỳ ♣ (chưa lập gia đình)	Mộ 313 khu E20 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)	1950–1964	09/11
Cháu Nguyễn Hữu Ngọc (4.5)	Con ông bà Mão	Nghĩa trang Phi Liệt, Thủy Nguyên, HP		
Cháu Nguyễn Hữu Hiệp (4.6)	Con trai ông bà Mão	Nghĩa trang Ninh Hải, Hải Phòng		29/06
Cháu Vũ	Con ông bà Kỳ · cạnh mộ cụ Phan	Khu G13 (Yên Kỳ, Sơn Tây, HN)		
Cụ bà bán thuốc nhuộm (1.a)	Vợ cả cụ Khuê — không có con			
Cụ bà trẻ họ Đỗ (1.b)	Cháu của Cụ... (?)			02/01

Nghĩa trang Yên Kỳ (Sơn Tây, Hà Nội)

11 ngôi mộ

- Khu E19:** 349 (bà Nghĩa) · 350 (ông Kỳ)
- Khu E20:** 309 (bà Ty) · 310 (ông Quang) · 311 (cụ bà Viên) · 312 Cụ bà Tuyến · 313 (cô Ng.T.Thanh) · 1 ngôi Cháu Nguyễn Kiến Trường gần nơi thờ thần linh
- Khu G13:** 303 (cụ Phan) · 306 (bà Phương) · 1 ngôi Cháu Vũ

Nghĩa trang Ninh Hải (Hải Phòng)

3 ngôi mộ

- Ông Nguyễn Mão (3.2)
- Bà Nguyễn Thị Nga (3.2.a)
- Cháu Nguyễn Hữu Hiệp (4.6)

Nghĩa trang Phi Liệt (Thủy Nguyên, HP)

1 ngôi mộ

- Cháu Nguyễn Hữu Ngọc (4.5)
- Thủy Nguyên, Hải Phòng · bổ sung theo gia đình

⚠ Những điểm cần anh xác minh (do bản gốc mờ / có mâu thuẫn)

- Ông cả Nhâm (3.1):** có **2 vợ và 3 con gái** (không có con trai); bản gốc không ghi tên 3 người con gái. Vì không có con trai nên dòng trưởng nối dõi qua ông Nguyễn Mão. Toàn bộ đời 4 (4.1–4.7: Cháu Nguyễn Mạnh Tuấn, Cháu Nguyễn Minh Nguyệt, Cháu Trọng, Cháu Nguyễn Ngọc Bảo, Cháu Nguyễn Hữu Ngọc, Cháu Nguyễn Hữu Hiệp, Cháu Nguyễn Hữu Hoàn) là **con của Ông Nguyễn Mão & Bà Nguyễn Thị Nga**; Cháu Nguyễn Mạnh Tuấn là trưởng nam đời 4.
- Đã gộp theo xác nhận:** "Chú Trường" = "Nguyễn Kiến Trường" là một người (☼, giỗ 14/01); và "Cô Thanh" = "Cháu Nguyễn Thị Thanh" (☼). Cả hai đều để hoa trắng.
- Các năm sinh-mất** trong bảng gốc bị lệch dòng, vài số nghi ngờ, nên tôi để dấu (?) — anh nên coi là *tạm ghi* và kiểm chứng lại.
- Hai "Cô Nguyệt" đã phân biệt:** Cháu Nguyễn Minh Nguyệt là con ông Nguyễn Mão (4.2); Cháu Nguyệt (TQ) là con bà Nguyễn Lê Thị Phương (3.4).
- Ký hiệu "hoa trắng" (☼):** là người đã mất khi **chưa lập gia đình** — ghi chú để khi ra mộ mọi người chuẩn bị hoa trắng. Gồm 3 người: Ông Nguyễn Đình Quang (3.7), Cháu Nguyễn Kiến Trường, và Cháu Nguyễn Thị Thanh (con ông bà Kỳ).
- Cập nhật vị trí mộ (theo gia đình):** khu E20 — 309 bà Lê Thị Ty, 310 ông Nguyễn Đình Quang, 311 cụ bà Viên, 312 cụ bà Tuyến, 313 cô Nguyễn Thị Thanh, và mộ gần nơi thờ thần linh của Cháu Nguyễn Kiến Trường; khu G13 — 303 cụ Phan, 306 bà Phương, 1 ngôi Cháu Vũ; khu E19 — 350 ông Kỳ, 349 bà Nghĩa; Ninh Hải — ông Mão, bà Nga, Cháu Nguyễn Hữu Hiệp; Phi Liệt — Cháu Nguyễn Hữu Ngọc. **Riêng mộ cụ bà Nguyễn Thị Trâm:** để trống, gia đình sẽ cập nhật sau.